| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 148/2025/QĐST-HNGĐ | *Đà Nẵng, ngày 05 tháng 9 năm 2025.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

* Ông **Trịnh Văn D**, sinh năm 1961. Quốc tịch: Canada

Thẻ căn cước công dân Canada số: 7633831, cấp năm 2001.

Nơi cư trú: Số 202 - 10708 129 St NW Edmonton AB T5M OX5, Canada. Chổ ở hiện nay: Lô 12 đường L, Tổ 15 phường S, Tp Đà Nẵng.

* Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 048193001704 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/01/2023.

Nơi thường trú: Tổ 27 phường A, quận S, Tp Đà Nẵng nay là Tổ 27 phường S, Tp Đà Nẵng. Chổ ở hiện tại: Lô 12 đường L, Tổ 15 phường S, thành phố Đà Nẵng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xây dựng gia đình với nhau năm 2019, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi người sống mỗi nơi nên vợ chồng không hiểu và chia sẻ nhau, cách sống của hai vợ chồng quá khác biệt nhau nên dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay ông Trịnh Văn D và bà

Nguyễn Thị Ngọc S xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xác định không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xác định không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00001848 ngày 18/8/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S (Giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 16/12/2019, tại Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xác định không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00001848 ngày 18/8/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND quận S, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tô Thị Thy Tuyết**